

Pháp luật về phá sản doanh nghiệp: Thực tiễn áp dụng và kiến nghị hoàn thiện

Hồ Trung Hải*

Nhận ngày 10 tháng 03 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 5 năm 2024.

Tóm tắt: Ngày nay, trong môi trường kinh doanh đầy biến động, sự phá sản của các doanh nghiệp không còn là một hiện tượng hiếm gặp. Các yếu tố như sự cạnh tranh gay gắt, biến đổi công nghệ, thay đổi quy định pháp lý và tình hình kinh tế không ổn định đã đặt nhiều doanh nghiệp vào tình thế khó khăn. Trước những khó khăn đó, pháp luật về phá sản doanh nghiệp đã và đang đóng vai trò quan trọng để đảm bảo sự công bằng, bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan và thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế. Bài viết nhằm tìm hiểu và phân tích thực tiễn áp dụng của pháp luật về phá sản doanh nghiệp tại Việt Nam cũng như một số quốc gia khác trên thế giới. Tác giả cũng tập trung vào việc đánh giá hiệu quả và những hạn chế của hệ thống pháp luật hiện hành, đồng thời đề xuất các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực và đáp ứng tốt hơn với thực tiễn kinh doanh cũng như góp phần trong việc tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch và hỗ trợ sự phát triển bền vững cho cộng đồng doanh nghiệp.

Từ khóa: Phá sản doanh nghiệp, pháp luật về phá sản doanh nghiệp, thực tiễn áp dụng, kiến nghị hoàn thiện.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: In today's volatile business environment, the bankruptcy of enterprises is no longer a rare phenomenon. Factors such as fierce competition, technological changes, regulatory shifts, and economic instability have placed many businesses in difficult situations. Amid these challenges, bankruptcy laws play a crucial role in ensuring fairness, protecting the rights of stakeholders, and promoting economic restructuring. This article aims to explore and analyze the practical application of bankruptcy laws in Vietnam and several other countries worldwide. The author focuses on evaluating the effectiveness and limitations of the current legal system, while also proposing recommendations to enhance its efficiency, better meet business practices, and contribute to creating a stable, transparent business environment that supports sustainable development for the business community.

Keywords: Business bankruptcy, laws on business bankruptcy, implementation in practice, recommendations for improvement.

Subject classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Theo các chuyên gia kinh tế, mỗi doanh nghiệp đều trải qua chu kỳ sống riêng, bao gồm bốn giai đoạn chính: khởi nghiệp, tăng trưởng, bão hòa và suy thoái. Sau khi vượt qua giai đoạn tăng trưởng, điều quan trọng là người quản lý phải có khả năng nhìn xa trông rộng và đưa ra dự đoán về các tình huống xấu có thể xảy ra, để chuẩn bị phương án ứng phó kịp thời. Nếu không, doanh nghiệp sẽ tiếp tục vào giai đoạn suy thoái. Chu kỳ này cũng cho thấy rằng sự suy vong và phá sản có thể xảy ra với bất kỳ doanh nghiệp nào.

* Công ty Hợp danh Quản lý và Thanh lý tài sản Đình Luật.

Email: hotrunghai@gmail.com

Pháp luật về phá sản doanh nghiệp là một lĩnh vực pháp lý quan trọng, có vai trò quyết định trong việc duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của nền kinh tế. Tại Việt Nam, hệ thống pháp luật về phá sản đã được xây dựng và hoàn thiện qua nhiều giai đoạn, với các văn bản pháp luật quan trọng như Luật Phá sản 2014 (sửa đổi và bổ sung 2019) và Luật Doanh nghiệp 2020 (Quốc hội, 2014a; Quốc hội, 2020). Các quy định này nhằm mục đích tạo ra một khung pháp lý rõ ràng và minh bạch để hỗ trợ quá trình giải quyết phá sản, bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan và thúc đẩy sự tái cơ cấu kinh tế.

Bên cạnh đó, Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Tài chính doanh nghiệp 2017 cũng đóng vai trò quan trọng trong việc quy định các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia vào quá trình phá sản (Chính phủ, 2015; Quốc hội, 2017). Hướng dẫn thực tiễn về phá sản qua các tài liệu: “Quy định về giải thể và phá sản doanh nghiệp” của Bộ Tài chính (2023) và “Hỏi đáp về Luật phá sản và vụ việc thực chiến” của Huỳnh Đức Thái Lâm Hoàng (2024).

Trên bình diện quốc tế, pháp luật về phá sản cũng đã trải qua nhiều cải cách và phát triển để đáp ứng các thay đổi trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Các tài liệu như “Principles of Corporate Insolvency Law” của Andrew Keay và Peter Walton (2017) và “Comparative Corporate Insolvency & Restructuring Law” của Jason Chuah (2019) đã cung cấp những góc nhìn toàn diện về các nguyên tắc và thực tiễn phá sản doanh nghiệp tại nhiều quốc gia. Cordero và Rodriguez (2017) đã phân tích các cải cách lớn về luật phá sản tại Tây Ban Nha, trong khi Jackson (2018) đã đánh giá sự cải cách của luật phá sản doanh nghiệp tại Vương quốc Anh từ góc nhìn xuyên Đại Tây Dương.

Ngoài ra, các nghiên cứu như “Debt Restructuring, Bankruptcy” của Esser, Frisari, và Ringe (2019) và “Corporate Insolvency Law and Practice in Korea: A Critical Analysis” của Kang (2015) đã nêu bật những thách thức và cải cách cần thiết để nâng cao hiệu quả của hệ thống pháp luật phá sản tại các quốc gia này. Việc nghiên cứu các tài liệu như “Cross-Border Insolvency” của Boone & Hughes (2018) và “The Law of Corporate Insolvency” của Riz Mokal và John Tribe (2016) cũng giúp hiểu rõ hơn về pháp luật phá sản trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự gia tăng của các vụ phá sản xuyên biên giới.

Từ những nghiên cứu và phân tích trên, có thể thấy rằng mặc dù hệ thống pháp luật phá sản hiện hành tại Việt Nam đã có nhiều tiến bộ, song vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế trong quá trình thực thi. Bài viết tập trung vào việc đánh giá thực tiễn áp dụng của pháp luật về phá sản doanh nghiệp tại Việt Nam và đề xuất các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hệ thống pháp luật, tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định và minh bạch, hỗ trợ sự phát triển bền vững cho cộng đồng doanh nghiệp.

2. Khái niệm và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Từ điển Luật học (Viện Khoa học Pháp lý, 2006) định nghĩa "phá sản" là tình trạng một chủ thể (cá nhân, pháp nhân) mất khả năng thanh toán nợ đến hạn, tương đương với "mất khả năng thanh toán".

Theo Dương Kim Thế Nguyên (2016), phá sản có hai khía cạnh: thứ nhất, là tình trạng một tổ chức kinh doanh mất khả năng thanh toán và bị tòa án tuyên bố phá sản, dẫn đến chấm dứt hoạt động; thứ hai, là thủ tục pháp lý giải quyết tình trạng mất khả năng thanh toán.

Luật Phá sản Việt Nam 2014 (Luật số 51/2014/QH13) định nghĩa phá sản là tình trạng pháp lý khi một doanh nghiệp hoặc hợp tác xã mất khả năng thanh toán nợ trong vòng 03 tháng từ ngày đến hạn và bị tòa án tuyên bố phá sản. Điều này bao gồm cả không có tài sản để thanh toán hoặc có tài sản nhưng không thanh toán nợ.

Luật Phá sản cung cấp khung pháp lý để xử lý các khó khăn tài chính, bảo vệ quyền lợi của người nợ và chủ nợ. Khi doanh nghiệp hoặc hợp tác xã không thể thanh toán nợ, họ có thể nộp đơn phá sản hoặc bị chủ nợ khởi kiện. Quá trình này bao gồm xác định và đánh giá tài sản, bổ nhiệm người quản trị phá sản và phân phối tài sản công bằng.

Luật cũng quy định về tái cơ cấu, cho phép các thực thể gặp khó khăn tài chính tái cấu trúc nợ và tiếp tục hoạt động dưới sự giám sát của tòa án (Dương Kim Thế Nguyên, 2016; Viện Khoa học Pháp lý, 2006; Quốc hội, 2014a).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết: tìm hiểu và nghiên cứu về các quy định pháp luật, văn bản liên quan đến phá sản doanh nghiệp tại Việt Nam như: luật, quy định, nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn và các tài liệu pháp lý khác có liên quan đến hoạt động này.

Ngoài ra, tác giả thu thập dữ liệu về quy trình, quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về phá sản doanh nghiệp tại Việt Nam từ đó phân tích đánh giá và đưa ra đề xuất hoàn thiện.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Khái quát pháp luật về phá sản doanh nghiệp

3.1.1. Đặc điểm

Một số đặc điểm chính của phá sản trong Luật phá sản tại Việt Nam, bao gồm:

(1) *Mất khả năng thanh toán nợ*: Phá sản xảy ra khi một doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng trả nợ trong 3 tháng kể từ lúc đến hạn trả nợ và không đáp ứng được các nghĩa vụ tài chính.

(2) *Tuyên bố phá sản*: Phá sản không chỉ diễn ra tự động, mà phải thông qua quy trình tuyên bố phá sản do tòa án quyết định. Người nợ hoặc các chủ nợ có thể yêu cầu tòa án tuyên bố phá sản.

(3) *Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản*: Sau khi tòa án tuyên bố phá sản, quản trị viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản sẽ được tòa án chỉ định để quản lý và giám sát quá trình phá sản. Quản tài viên có quyền, nghĩa vụ tại điều 16 của luật phá sản 2014.

(4) *Xác định và đánh giá tài sản*: Một phần quan trọng của quá trình phá sản là xác định và đánh giá tài sản của người nợ. Điều này bao gồm việc xác định giá trị các tài sản động và tài sản không động của người nợ để phục vụ quá trình phân phối cho các chủ nợ.

(5) *Phân phối tài sản*: Tài sản của người nợ sẽ được phân phối cho các chủ nợ theo một thứ tự ưu tiên được quy định trong pháp luật. Thông thường, các chủ nợ ưu tiên như ngân hàng, các cơ quan thuế, nhân viên và các chủ nợ khác sẽ được ưu tiên lấy lại nợ trước các chủ nợ khác.

(6) *Tái cơ cấu (tùy trường hợp)*: Trong một số trường hợp, người nợ có thể đề xuất kế hoạch tái cơ cấu để tổ chức lại nợ và tiếp tục hoạt động. Quá trình tái cơ cấu này thường yêu cầu sự đồng ý của tòa án và các chủ nợ.

(7) *Kết thúc phá sản*: Quá trình phá sản kết thúc khi tất cả các tài sản của người nợ đã được phân phối cho các chủ nợ theo thứ tự ưu tiên và các thủ tục pháp lý đã được hoàn tất. Khi đó, người nợ sẽ được miễn nợ và có thể khởi đầu lại.

3.1.2. Đối tượng

Các đối tượng (chủ thể) tham gia và chịu tác động trực tiếp của luật phá sản, bao gồm những người, tổ chức hoặc doanh nghiệp có liên quan tới quá trình phá sản như:

(1) *Người nợ*: Đây là cá nhân, doanh nghiệp hoặc tổ chức mà tình trạng tài chính của họ không đủ để trả nợ theo yêu cầu của các chủ nợ. Người nợ là đối tượng chính trong quá trình phá sản và sẽ chịu các hậu quả liên quan đến việc phá sản.

(2) *Chủ nợ*: Đây là những cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức hoặc cơ quan có yêu cầu được trả nợ từ người nợ. Chủ nợ có quyền yêu cầu phá sản của người nợ khi không thể thu được khoản nợ theo các phương thức thông thường.

(3) *Tòa án*: Tòa án có vai trò quan trọng trong quá trình phá sản. Tòa án sẽ xem xét và quyết định về việc tuyên bố phá sản, bổ nhiệm người quản trị phá sản, giám sát quá trình phá sản và xử lý các tranh chấp liên quan đến phá sản.

(4) *Quản tài viên*: Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được chỉ định bởi tòa án để quản lý và giám sát quá trình phá sản.

(5) *Cơ quan thi hành án, chấp hành viên*: là cơ quan, nhân sự thực hiện việc cưỡng chế, thu hồi, bàn giao tài sản cho người mua được tài sản và thực hiện việc thanh lý tài sản theo quy định của luật.

(6) *Các bên liên quan khác*: Ngoài các đối tượng chính đã đề cập, có thể có các bên liên quan khác liên quan đến quá trình phá sản, bao gồm luật sư, cơ quan thuế, các cơ quan quản lý tài chính, người lao động và các bên có quyền lợi hoặc nghĩa vụ liên quan đến người nợ và chủ nợ.

3.1.3. Điều kiện phá sản doanh nghiệp

Theo Luật Phá sản 2014 của Việt Nam, một doanh nghiệp có thể được tuyên bố phá sản nếu đáp ứng các điều kiện sau:

(1) *Không thể thanh toán nợ*: Doanh nghiệp không có khả năng thanh toán được nợ hạn chế trong 3 tháng liên tục.

(2) *Sự tồn tại của nợ hạn chế*: Doanh nghiệp có ít nhất một khoản nợ hạn chế đã đến hạn mà không thể thanh toán được.

(3) *Nợ chưa được giải quyết*: Doanh nghiệp không thể đạt được thỏa thuận với chủ nợ về việc giải quyết nợ hoặc không thể giải quyết nợ bằng các biện pháp khác như tái cơ cấu, tái tổ chức, thỏa thuận thanh toán hoặc tiếp tục hoạt động kinh doanh.

(4) *Sự ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh*: Doanh nghiệp gặp khó khăn nghiêm trọng trong việc duy trì, khôi phục hoặc phát triển hoạt động kinh doanh.

(5) *Không có khả năng giải quyết nợ trong tương lai*: Doanh nghiệp không có khả năng xác định và thực hiện kế hoạch tái cơ cấu để giải quyết nợ.

Quá trình tuyên bố phá sản cụ thể và các yêu cầu khác có thể được quy định trong các quy định và quy trình liên quan khác của Luật Phá sản 2014 và các văn bản pháp lý có liên quan.

3.1.4. Lưu ý khi phá sản doanh nghiệp

Giải thể doanh nghiệp và phá sản doanh nghiệp là hai hình thức dễ gây nhầm lẫn và vướng mắc nhiều nhất đối với doanh nghiệp. Do vậy cần lưu ý các điểm sau đây:

Một là, khác nhau về lý do: Giải thể doanh nghiệp là kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ công ty hoặc theo ý chí chủ quan của chủ doanh nghiệp muốn giải thể theo luật doanh nghiệp. Trong khi đó, phá sản doanh nghiệp chỉ có một lý do duy nhất đó là doanh nghiệp không có khả năng thanh toán khi không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn ba tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Hai là, khác nhau về tính chất: Giải thể doanh nghiệp là một thủ tục hành chính và được thực hiện theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 còn phá sản doanh nghiệp là một thủ tục tư pháp và được thực hiện theo quy định Luật Phá sản 2014.

Ba là, khác nhau về chủ thể ra quyết định: Giải thể doanh nghiệp do các chủ sở hữu doanh nghiệp quyết định tự nguyện giải thể hoặc do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu bắt buộc giải thể. Trong khi, phá sản doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đó là Tòa án.

Bốn là, khác nhau về điều kiện: Điều kiện để giải thể doanh nghiệp là khi doanh nghiệp bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp. Đối với phá sản doanh nghiệp thì xử lý theo luật phá sản thì doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện theo khoản 2, điều 4, luật phá sản 2014 thì “Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản”, trong đó các chủ nợ sẽ được thanh toán các khoản nợ theo thứ tự ưu tiên theo luật định trên cơ sở số tài sản còn lại của doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp bị phá sản có thể thanh toán hết hoặc không thanh toán hết các khoản nợ cho các chủ nợ.

Năm là, khác nhau về hậu quả pháp lý: Giải thể doanh nghiệp dẫn đến chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp và doanh nghiệp bị xóa tên trong sổ đăng ký doanh nghiệp. Phá sản doanh nghiệp không phải bao giờ cũng là chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, không phải trường hợp mở thủ tục phá sản nào cũng dẫn đến việc doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, phải chấm dứt hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp còn có thể có cơ hội phục hồi hoạt động kinh doanh. Khi doanh nghiệp được tiếp tục hoạt động kinh doanh thì được coi là không còn lâm vào tình trạng phá sản nếu thủ tục phục hồi doanh nghiệp được thực hiện thành công.

Sáu là, khác nhau về quản lý của Nhà nước đối với người quản lý, điều hành doanh nghiệp: Giải thể không đặt ra chế tài hạn chế quyền tự do kinh doanh của người quản lý, điều hành. Còn đối với phá sản thì nhà nước có thể hạn chế quyền tự do kinh doanh đối với chủ sở hữu hay người quản lý điều hành tại điều 130 Luật Phá sản năm 2014.

Bên cạnh đó, cần lưu ý thêm phá sản đối với doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài (Foreign-Invested Enterprises - FIEs) gặp khá nhiều khó khăn, vướng mắc: (1) Bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan: Gặp khó khăn trong xác định và bảo vệ quyền lợi cho các nhà đầu tư, chính quyền, công nhân viên chức, đối tác kinh doanh, và các chủ nợ. (2) Mơ hồ và tranh cãi về pháp lý: Gây tranh cãi do sự mơ hồ và không rõ ràng trong việc áp dụng quy định phá sản cho FIEs. (3) Khó khăn trong thu hồi tài sản: Gặp khó khăn khi thực hiện quyền lợi và thu hồi tài sản của FIEs do sự cản trở từ đối tác kinh doanh, chủ nợ, và các bên liên quan. (4) Thách thức về thẩm quyền và hợp tác quốc tế: Gặp thách thức trong việc xử lý phá sản khi FIEs hoạt động ở nhiều quốc gia và phải tuân theo quy định của nhiều hệ thống pháp luật khác nhau.

Để giải quyết các thách thức này, cần sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan, hiểu rõ quy định pháp luật và diễn giải của từng quốc gia, và tìm kiếm sự hỗ trợ từ các chuyên gia pháp luật và tư vấn có kinh nghiệm trong lĩnh vực phá sản của FIEs.

3.2. Quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp

3.2.1. Thủ tục phá sản doanh nghiệp

Ở Việt Nam, thủ tục và quy trình phá sản doanh nghiệp được quy định trong Luật Phá sản số 51/2014/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phá sản số 42/2018/QH14 và các văn bản hướng dẫn liên quan, được thực hiện qua các bước chính như sau:

Bước 1. Trình tự nộp đơn: Doanh nghiệp cần nộp đơn xin phá sản tại tòa án có thẩm quyền.

Bước 2. Thụ lý và mở thủ tục phá sản: Tòa án sẽ thụ lý và mở thủ tục phá sản sau khi nhận đơn từ doanh nghiệp.

Bước 3. Xác định nghĩa vụ về tài sản và biện pháp bảo toàn tài sản: Trong quá trình giải quyết phá sản, tài sản của doanh nghiệp sẽ được xác định và bảo toàn.

3.2.2. Đối tượng áp dụng

Luật Phá sản không chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp, mà còn bao gồm các tổ chức kinh doanh và hợp tác xã. Điều này bao gồm một loạt các thực thể kinh doanh, từ các công ty lớn đến các tổ chức nhỏ hơn, cũng như các hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã hoạt động dưới sự

quản lý và điều hành của pháp luật. Sự phong phú của đối tượng áp dụng này đảm bảo rằng các quy định và quy trình phá sản có thể được áp dụng linh hoạt và hiệu quả đối với một loạt các thực thể kinh doanh khác nhau, từ các doanh nghiệp nhỏ đến các tổ chức lớn và phức tạp.

3.2.3. Điều kiện tiến hành thủ tục phá sản doanh nghiệp

Để bắt đầu quy trình phá sản cho một doanh nghiệp, có một số điều kiện cụ thể cần tuân theo nhằm đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong quá trình này.

Một là, khả năng thanh toán nợ: điều quan trọng nhất là doanh nghiệp phải chứng minh rằng nó không còn khả năng thanh toán được các khoản nợ hiện tại hoặc dự kiến trong tương lai. Điều này đòi hỏi một đánh giá kỹ lưỡng về tình hình tài chính của doanh nghiệp, bao gồm cả dòng tiền và khả năng sinh lời trong tương lai. Sự không thể thanh toán được các khoản nợ này phải được xác minh một cách chính xác và minh bạch.

Hai là, số nợ tối thiểu: Có một ngưỡng số nợ tối thiểu mà doanh nghiệp cần đạt được để được xem xét cho quá trình phá sản. Điều này đảm bảo rằng quy trình phá sản không được sử dụng một cách lạm dụng hoặc không cần thiết cho các trường hợp nhỏ. Ngưỡng này thường được xác định dựa trên một phân tích tổng thể về nợ và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Ba là, yêu cầu tại tòa án: Cuối cùng, để khởi đầu quá trình phá sản, doanh nghiệp phải nộp đơn xin phá sản tại tòa án có thẩm quyền. Điều này đảm bảo rằng quá trình được điều hành và giám sát bởi một cơ quan có thẩm quyền và đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong toàn bộ quá trình phá sản.

Những điều kiện này là cơ sở quan trọng để đảm bảo rằng quá trình phá sản được thực hiện một cách công bằng và có trách nhiệm, đồng thời bảo vệ cả quyền lợi của doanh nghiệp và các bên liên quan, bao gồm cả các chủ nợ và nhân viên.

3.2.4. Xử lý, thanh lý tài sản trong phá sản doanh nghiệp

Khi doanh nghiệp phá sản, việc xử lý và thanh lý tài sản là rất quan trọng. Các bước cơ bản bao gồm:

(1) Thanh lý tài sản: bán các tài sản của doanh nghiệp để trả nợ cho các chủ nợ. Quá trình này có thể bao gồm bán đấu giá hoặc bán theo các phương thức khác được tòa án phê duyệt để thu được số tiền tối đa từ tài sản của doanh nghiệp.

(2) Phân phối tài sản: số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản sẽ được phân phối cho các chủ nợ theo thứ tự ưu tiên đã được quy định trong Luật Phá sản. Thứ tự ưu tiên này thường bao gồm các khoản nợ có bảo đảm, nợ thuế, lương nhân viên và các khoản nợ không có bảo đảm.

(3) Hủy bỏ hợp đồng và cam kết: hủy bỏ các hợp đồng và cam kết mà doanh nghiệp không còn khả năng thực hiện. Việc này bao gồm việc xem xét và hủy bỏ các hợp đồng mua bán, thuê mướn và các cam kết tài chính khác để giảm thiểu các nghĩa vụ pháp lý và tài chính của doanh nghiệp.

Các quy trình này nhằm đảm bảo rằng tài sản của doanh nghiệp được quản lý và sử dụng một cách hiệu quả nhất để giải quyết các khoản nợ, đồng thời giúp bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ và các bên liên quan.

3.2.5. Ưu điểm và hạn chế của việc áp dụng pháp luật về phá sản doanh nghiệp tại Việt Nam

Áp dụng pháp luật về phá sản doanh nghiệp tại Việt Nam có những ưu điểm và hạn chế sau:

Ưu điểm: (1) Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ: Phá sản là một công cụ pháp lý quan trọng giúp bảo vệ quyền lợi của chủ nợ. Trong quá trình phá sản, tài sản của doanh nghiệp được đánh giá và phân phối một cách công bằng và minh bạch, đảm bảo rằng chủ nợ có cơ hội được thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền nợ. Điều này tạo ra sự công bằng trong việc

giải quyết các khoản nợ, giúp hạn chế rủi ro tài chính cho các chủ nợ và đảm bảo rằng họ không bị mất hoàn toàn số tiền đã cho vay hoặc đầu tư vào doanh nghiệp; (2) Cơ hội tái khởi đầu: Phá sản không chỉ là một quá trình chấm dứt hoạt động kinh doanh mà còn mở ra cơ hội tái khởi đầu cho doanh nghiệp. Sau khi giải quyết xong các khoản nợ và hoàn tất thủ tục phá sản, doanh nghiệp có thể tái cơ cấu lại hoạt động kinh doanh của mình. Điều này bao gồm việc xem xét lại chiến lược kinh doanh, cải thiện quản lý tài chính và tìm kiếm các nguồn vốn mới. Quá trình này giúp doanh nghiệp có thể bắt đầu lại với một cơ sở tài chính vững chắc hơn và tiềm năng phát triển bền vững.

Hạn chế: (1) Thời gian và chi phí: Thủ tục phá sản có thể kéo dài và tốn kém. Quá trình này bao gồm nhiều giai đoạn, từ việc nộp đơn yêu cầu phá sản, thẩm định tình trạng tài chính của doanh nghiệp, đến việc phân phối tài sản và giải quyết các tranh chấp phát sinh. Thời gian kéo dài của thủ tục phá sản không chỉ gây ra áp lực tài chính cho doanh nghiệp mà còn làm mất nhiều nguồn lực của cả doanh nghiệp và các chủ nợ. Chi phí liên quan đến thủ tục phá sản, bao gồm phí luật sư, phí tòa án và chi phí quản lý tài sản, cũng có thể rất cao, ảnh hưởng đến khả năng tài chính của doanh nghiệp và chủ nợ; (2) Tác động đến danh tiếng: Phá sản có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh tiếng của doanh nghiệp. Việc bị tuyên bố phá sản thường được coi là một dấu hiệu của thất bại trong kinh doanh, có thể làm giảm lòng tin của khách hàng, đối tác và nhà đầu tư. Danh tiếng bị tổn hại có thể dẫn đến khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư mới, mất khách hàng hiện tại và tiềm năng, cũng như khó khăn trong việc thiết lập các mối quan hệ kinh doanh mới.

Việc áp dụng pháp luật về phá sản tại Việt Nam, mặc dù mang lại nhiều lợi ích trong việc bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan và tạo cơ hội tái khởi đầu cho doanh nghiệp, vẫn đối mặt với những thách thức đáng kể về thời gian, chi phí và tác động đến danh tiếng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải cân nhắc kỹ lưỡng và có chiến lược phù hợp khi đối diện với nguy cơ phá sản.

3.3. Một số hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng Luật phá sản tại Việt Nam

Thứ nhất, doanh nghiệp thường sợ bị tuyên bố phá sản do quan niệm phá sản là điều không mong muốn, ảnh hưởng đến uy tín. Chủ doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản sẽ mất quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp khác trong 1-3 năm. Nhiều doanh nghiệp không tuân thủ các quy định tài chính, kế toán, gây khó khăn cho tòa án trong việc xác định tình trạng phá sản và tiến hành thanh lý tài sản.

Thứ hai, số lượng và năng lực thẩm phán và chấp hành viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu. Thẩm phán cần có kiến thức không chỉ về Luật Phá sản mà còn về tài chính, ngân hàng và quản lý kinh tế.

Thứ ba, việc thực thi pháp luật phá sản chưa hiệu quả do một số bất cập. Điều 119 Luật Phá sản và Điều 120 có quy định không nhất quán về thời hạn thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Luật Thi hành án dân sự quy định thời hạn là 3 ngày làm việc, trong khi Luật Phá sản là 5 ngày, gây khó khăn cho cơ quan thi hành án. Chủ nợ trong danh sách phá sản được coi là người được thi hành án nhưng quyền lợi của họ chưa rõ ràng.

Luật Phá sản năm 2014 giới hạn định giá lại tài sản, chỉ cho phép khi có vi phạm nghiêm trọng, trong khi Luật Thi hành án dân sự năm 2008 cho phép quyền này. Điều này có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án.

Nghị định số 22/2015/NĐ-CP quy định chấp hành viên phải thanh lý tài sản trong 3 ngày làm việc sau khi nhận báo cáo từ quản tài viên. Tuy nhiên, Luật Phá sản và các văn bản hướng dẫn không quy định thủ tục cụ thể, gây khó khăn trong việc bán đấu giá tài sản.

Nếu tài sản không được thanh lý sau 2 năm, quản tài viên phải bàn giao tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự. Chi phí quản tài viên được trả từ giá trị tài sản của doanh nghiệp phá sản, nhưng quy định về chi phí cưỡng chế chưa rõ ràng. Điều 73 của Luật Thi hành án dân sự quy định chi phí cưỡng chế nhưng chưa áp dụng cụ thể cho trường hợp này.

3.4. Một số giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp

3.4.1. Nguyên tắc hoàn thiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp

(1) *Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ:* Để bảo vệ quyền lợi của chủ nợ, quy trình phá sản cần đảm bảo rằng chủ nợ được đối xử công bằng và có cơ hội tham gia vào quá trình thanh toán nợ. Điều này có thể bao gồm việc xác định và xem xét các yêu cầu của chủ nợ, giữ gìn giá trị tài sản của doanh nghiệp để đảm bảo việc thanh toán nợ được thực hiện một cách hợp lý và công bằng.

(2) *Tối ưu hóa thời gian và chi phí:* Tối ưu hóa thời gian và chi phí trong quá trình phá sản là mục tiêu quan trọng. Bằng cách đơn giản hóa và tối giản hóa các thủ tục, cơ quan liên quan có thể giảm thời gian và tiền bạc mà cả các bên phải bỏ ra trong quá trình phá sản. Điều này giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết các tranh chấp và đảm bảo quyền lợi của tất cả các bên liên quan.

(3) *Khuyến khích tái khởi đầu:* Khuyến khích tái khởi đầu là mục tiêu cuối cùng trong quá trình phá sản. Thay vì chỉ tập trung vào việc thanh toán nợ và kết thúc hoạt động doanh nghiệp, quy trình phá sản cần tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp phục hồi và tái khởi đầu sau phá sản. Điều này có thể bao gồm việc cung cấp hỗ trợ tài chính, tư vấn kinh doanh, hoặc các biện pháp khác để giúp doanh nghiệp trở lại hoạt động ổn định và bền vững sau quá trình khó khăn.

3.4.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp

Để hoàn thiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp, chúng tôi đề xuất việc xem xét theo các hướng sau đây:

(1) *Tối ưu hóa quy trình:* Để giảm thời gian và chi phí trong quá trình phá sản, cần tiến hành đơn giản hóa và tối giản hóa thủ tục liên quan. Điều này có thể bao gồm việc rà soát và loại bỏ những bước thủ tục không cần thiết, tạo ra các quy trình rõ ràng và hiệu quả hơn, và sử dụng công nghệ thông tin để tăng cường tự động hóa và tốc độ xử lý.

(2) *Tăng cường giám sát và thẩm định:* Việc đảm bảo quy trình phá sản được thực hiện đúng quy định và minh bạch là rất quan trọng. Để đạt được điều này, cần tăng cường sự giám sát và thẩm định của các cơ quan chức năng để đảm bảo tuân thủ quy trình và quy định về phá sản. Đồng thời, việc công khai thông tin liên quan đến quy trình phá sản và kết quả xử lý cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lòng tin và sự minh bạch cho các bên liên quan.

(3) *Tạo điều kiện cho tái khởi đầu:* Mục tiêu cuối cùng của quá trình phá sản là khuyến khích doanh nghiệp phục hồi hoạt động sau khủng hoảng. Để đạt được điều này, cần tạo ra môi trường và cơ chế khuyến khích để doanh nghiệp có thể tái khởi đầu một cách thuận lợi. Điều này có thể bao gồm hỗ trợ tài chính, giảm thuế, cung cấp các chính sách ưu đãi và cơ hội tái tạo, cùng với việc tạo ra mạng lưới hỗ trợ và tư vấn cho doanh nghiệp trong quá trình phục hồi.

Theo đó, chúng tôi cũng đề xuất một số giải pháp cụ thể để hoàn thiện. Đó là:

(1) *Đào tạo và nâng cao nhận thức:* Để nâng cao chất lượng và hiệu quả của quy trình phá sản, cần đầu tư vào đào tạo và nâng cao nhận thức cho các chuyên gia về phá sản và các bên liên quan.

(2) *Tạo cơ chế khuyến khích tái khởi đầu*: Đề khuyến khích doanh nghiệp phục hồi hoạt động sau phá sản, cần thiết lập các cơ chế khuyến khích và chính sách hỗ trợ.

(3) *Tối ưu hóa hệ thống thông tin*: Đề đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quá trình phá sản, cần cải thiện hệ thống thông tin liên quan đến phá sản.

3.5. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thi hành Luật phá sản tại Việt Nam

Chúng tôi đề xuất một số giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thi hành Luật Phá sản tại Việt Nam từ góc nhìn của các đối tượng liên quan:

Đối với Quản tài viên: Luật Phá sản năm 2014 đã có những thay đổi quan trọng, chuyển từ chế định tổ quản lý, thanh lý tài sản sang chế định quản tài viên và doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Nghị định số 22/2015/NĐ-CP đơn giản hóa thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên, nhưng chưa có quy định cụ thể về đào tạo nghề. Quản tài viên cần có kiến thức về pháp luật, kế toán, tài chính để thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản. Do đó, việc tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu là cần thiết. Vấn đề trách nhiệm của quản tài viên cần được làm rõ hơn để tránh các hành vi thiên lệch hoặc không thỏa mãn lợi ích của một nhóm nhất định. Mặc dù Nghị định số 22/2015/NĐ-CP đã quy định các hành vi bị nghiêm cấm, nhưng chưa có chế tài cụ thể cho các vi phạm này. Cần bổ sung các quy định chi tiết và chế tài xử lý vi phạm trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phá sản năm 2014.

Đối với thẩm phán: Trình độ chuyên môn của thẩm phán đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vụ phá sản. Thẩm phán cần có kiến thức không chỉ về pháp luật mà còn về kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh. Do đó, việc bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn cho thẩm phán là cần thiết. Tòa án nhân dân tối cao nên tổ chức các hội thảo khoa học và khóa đào tạo để nâng cao trình độ nghiệp vụ của thẩm phán và thư ký tòa án trong việc giải quyết các vụ phá sản.

Đối với cơ quan thi hành án: Trình độ của đội ngũ chấp hành viên trong cơ quan thi hành án dân sự vẫn còn hạn chế. Chấp hành viên cần được bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn để thực hiện hiệu quả các quyết định tuyên bố phá sản. Các cơ quan được ủy thác cần nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện nội dung ủy thác và báo cáo kết quả cho cơ quan thi hành án đã ủy thác, nhằm tránh tình trạng phối hợp không đồng bộ và kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Ngoài ra, có thể xem xét thêm một số giải pháp sau đây:

Nâng cao chất lượng kiểm tra: Các cơ quan chức năng cần tăng cường kiểm tra tuân thủ chế độ kế toán, tài chính của doanh nghiệp, đảm bảo báo cáo tài chính định kỳ và xử lý nghiêm các vi phạm về kế toán và sổ sách.

Tuyên truyền và phổ biến pháp luật về phá sản: Tuyên truyền và phổ biến pháp luật về phá sản là cần thiết để giúp người dân và doanh nghiệp hiểu rõ về quy trình và thủ tục phá sản. Việc tuyên truyền có thể thực hiện qua các phương tiện truyền thông như đài, báo, truyền hình, cũng như tổ chức các lớp đào tạo, hội thảo và tập huấn. Điều này giúp đảm bảo rằng cả doanh nghiệp và những người thực hiện công tác phá sản đều hiểu rõ và tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật.

Hoàn thiện khung pháp lý: Cần rà soát và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến phá sản để đảm bảo tính nhất quán và đồng bộ. Điều chỉnh các mâu thuẫn giữa Luật Phá sản và các luật liên quan như Luật Thi hành án dân sự để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành các quyết định phá sản.

Ứng dụng công nghệ thông tin: Xây dựng hệ thống quản lý thông tin về phá sản để theo dõi, giám sát và quản lý các vụ phá sản một cách hiệu quả. Hệ thống này sẽ giúp tăng cường minh bạch và giảm thiểu thời gian giải quyết các vụ việc.

Hỗ trợ doanh nghiệp sau phá sản: Thiết lập các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tái cấu trúc và phục hồi sau phá sản. Cung cấp các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật để giúp doanh nghiệp nhanh chóng ổn định hoạt động kinh doanh sau khi hoàn tất thủ tục phá sản.

Những giải pháp trên nhằm nâng cao hiệu quả thi hành Luật Phá sản, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc và phục hồi kinh doanh.

4. Kết luận

Pháp luật về phá sản doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định và phát triển bền vững của nền kinh tế. Mặc dù có nhiều tiến bộ, việc áp dụng luật phá sản vẫn gặp nhiều khó khăn. Các doanh nghiệp thường chưa nắm vững quy định, dẫn đến áp dụng không hiệu quả, trong khi cơ quan thực thi pháp luật còn hạn chế về năng lực chuyên môn. Quy trình phá sản phức tạp, mất nhiều thời gian và tâm lý "xấu hổ" của chủ doanh nghiệp cũng là những vấn đề nổi cộm. Quyền lợi của chủ nợ và người lao động chưa được bảo đảm đầy đủ, gây thiếu tin tưởng vào hệ thống pháp luật. Để khắc phục các hạn chế này, cần bổ sung các quy định pháp luật để đảm bảo rõ ràng và minh bạch, nâng cao năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật, và tăng cường tuyên truyền pháp luật về phá sản. Ngoài ra, cần đơn giản hóa quy trình phá sản để giảm thiểu thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, cũng như tạo ra cơ chế bảo vệ quyền lợi tốt hơn cho chủ nợ và người lao động. Việc hoàn thiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp không chỉ bảo vệ quyền lợi các bên liên quan mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế, tạo ra môi trường kinh doanh công bằng và bền vững. Điều này góp phần xây dựng lòng tin của cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững và ổn định trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Andrew Keay và Peter Walton. (2017). *Principles of Corporate Insolvency Law*.
Bộ Tài chính. (2023). *Quy định về giải thể và phá sản doanh nghiệp*.
Cordero, R., & Rodriguez, F. (2017). Corporate Insolvency Law in Spain: A Decade of Major Reforms. *The Company Lawyer*. 38(7). 201-210.
Esser, I., Frisari, G., & Ringe, W. (2019). Debt Restructuring, Bankruptcy.
Huỳnh Đức Thái Lâm Hoàng. (2024). *Hỏi đáp về Luật phá sản (hiện hành) và vụ việc thực chiến*. Nxb. Lao động.
J. William Boone & Heather Hughes. (2018). Cross-Border Insolvency.
Jackson, T. (2018). The Reform of Corporate Insolvency Law in the United Kingdom: A Transatlantic Perspective. *The Modern Law Review*. 81(2). 314-339.
Jason Chuah. (2019). Comparative Corporate Insolvency & Restructuring Law.
Kang, J. H. (2015). Corporate Insolvency Law and Practice in Korea: A Critical Analysis. *Asian Journal of Law and Society*. 2(2). 447-470.
Paul Omar. (2015). *Themes and Perspectives*.
Quốc hội. (2014a). *Luật Phá sản 2014 (sửa đổi và bổ sung 2019)*.
Quốc hội. (2014b). *Bộ luật Dân sự*.
Quốc hội. (2017). *Luật Tài chính doanh nghiệp*.
Quốc hội. (2020). *Luật Doanh nghiệp*.
Riz Mokhal, John Tribe. (2016). *The Law of Corporate Insolvency*.
Viện Khoa học pháp lý. (2006). *Từ điển Luật học*. Nxb. Tư pháp.